

Số: 128/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, mục của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Buộc loại bỏ nội dung vi phạm trong phim và vật phẩm liên quan đến phim; triển lãm; triển lãm mỹ thuật; triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh; trại sáng tác điêu khắc; sản phẩm quảng cáo;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau:

“16. Buộc tiêu hủy phim, xóa bỏ phim, gỡ bỏ phim; buộc tiêu hủy bản ghi âm, ghi hình có nội dung nghệ thuật biểu diễn;”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 17 như sau:

“17. Buộc công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thu hồi danh hiệu, giải thưởng cuộc thi liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu; bị dừng phổ biến phim;”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 18 như sau:

“18. Buộc nộp lại giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam; giấy phép phân loại phim; giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim; văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ; giấy phép tổ chức triển lãm; giấy phép triển lãm mỹ thuật; giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng; giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc; giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động, giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp.”

đ) Bổ sung khoản 19 vào sau khoản 18 như sau:

“19. Buộc gửi văn bản cam kết không vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 5, 6 và 7 Điều 10; các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 10a; điểm a khoản 2, các khoản 3, 5 và 6, các điểm a, b, c và d khoản 7 Điều 14; các khoản 1, 2, 3, 4 và điểm b khoản 5 Điều 21; các khoản 1, 2, 3, 4 và điểm b khoản 5 Điều 23; khoản 1 Điều 24; các Điều 30, 38, 39 và 40 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức.”

3. Bổ sung Điều 5a, Điều 5b vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại các giấy phép, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung hoặc giả mạo thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thì thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại các giấy phép, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện các giấy phép, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp các giấy phép, văn bản đó và gửi biên lai hoặc tài liệu chứng minh đã nộp giấy phép, văn bản cho người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản này;

c) Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản này phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các giấy phép, văn bản đó.

3. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân bằng văn bản thì thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân bằng văn bản thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm gửi văn bản xin lỗi cho tổ chức, cá nhân được xin lỗi và cho người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản này.

Điều 5b. Thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự

Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có nội dung vụ không quy định tại các điểm a, đ và e khoản 1 Điều 6; hành vi biểu diễn nghệ thuật, thi, liên hoan có nội dung xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tại điểm b khoản 5 và khoản 7 Điều 11; hành vi tổ chức thi người đẹp, người mẫu có nội dung xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tại khoản 6 Điều 12; hành vi treo, trưng bày tranh, ảnh, lịch hay đồ vật khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy tại điểm a khoản 1, hành vi bán hoặc phổ biến tranh, ảnh, văn hoá phẩm khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy tại các khoản 2, 4 và 5 Điều 16; hành vi triển lãm tác phẩm mỹ thuật, những sản phẩm nghệ thuật khác có nội dung kích động bạo lực, lối sống đồi trụy tại điểm a, hành vi xây dựng công trình mỹ thuật

có nội dung kích động bạo lực, lối sống đồi trụy tại điểm d khoản 5 Điều 17; điểm a khoản 6 Điều 18; các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 31 và các hành vi khác theo quy định của pháp luật tại Nghị định này mà có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra bị can; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can; quyết định đình chỉ vụ án; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Mục 1 Chương II như sau:

“Mục 1 HÀNH VI VI PHẠM VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 6. Vi phạm quy định về nội dung bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động điện ảnh có một trong các nội dung sau đây, trừ hành vi sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài có giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 13 Luật Điện ảnh:

a) Xuyên tạc lịch sử dân tộc, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

b) Tiết lộ bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về an ninh mạng;

c) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết cách thức thực hiện, hình ảnh, âm thanh, lời thoại, cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trừ trường hợp thể hiện các nội dung đó để phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa, tôn vinh giá trị truyền thống, văn hóa;

d) Gây tổn hại đến các giá trị văn hóa, lợi ích quốc gia, dân tộc Việt Nam; truyền bá tệ nạn xã hội; phá hoại văn hóa, đạo đức xã hội;

- d) Thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại âm ô, trụ lạc, loạn luân;
- e) Kích động, chống đối việc thi hành Hiến pháp, pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ các hoạt động sản xuất phim tại Việt Nam; phát hành phim; phổ biến phim; quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc xin lỗi cá nhân bằng văn bản đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc tiêu huỷ phim hoặc buộc xoá bỏ phim hoặc buộc gỡ bỏ phim trên không gian mạng hoặc buộc loại bỏ nội dung vi phạm trong phim và những vật phẩm liên quan đến phim có nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phổ biến phim trên hệ thống rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình và địa điểm chiếu phim công cộng mà không có giấy phép phân loại phim hoặc quyết định phát sóng;

b) Phổ biến phim trên không gian mạng mà không phân loại, hiển thị kết quả phân loại theo quy định;

c) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim và kết quả phân loại phim đã được cấp giấy phép phân loại phim hoặc quyết định phát sóng;

d) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định thu hồi giấy phép phân loại phim hoặc quyết định phát sóng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ phim trên hệ thống truyền hình đối với hành vi phát hành, phổ biến phim trên hệ thống truyền hình mà không có giấy phép phân loại phim hoặc quyết định phát sóng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;



b) Buộc tiêu hủy phim hoặc xoá bỏ phim đối với phim có nội dung quy định tại các điểm a, b và i khoản 1 Điều 9 Luật Điện ảnh đối với hành vi phát hành, phổ biến phim trên hệ thống rạp chiếu phim; địa điểm chiếu phim công cộng mà không có giấy phép phân loại phim hoặc quyết định phát sóng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc gỡ bỏ phim trên không gian mạng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về sản xuất phim

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;

b) Không gửi văn bản cam kết không vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp hợp tác sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhận tài trợ từ tổ chức, cá nhân nước ngoài để sản xuất phim theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không sử dụng dịch vụ do cơ sở điện ảnh Việt Nam cung cấp khi sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Không có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ với cơ sở điện ảnh Việt Nam khi sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

c) Không thực hiện đúng nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam trong trường hợp sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;



b) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;

c) Sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam của tổ chức khác.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu phim hoặc đoạn phim đã quay tại Việt Nam đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm c khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Tịch thu giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam đối với hành vi quy định tại khoản 1 trong trường hợp giấy phép đã được cấp và hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc gửi văn bản cam kết không vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 9. Vi phạm quy định về phát hành phim

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, sử dụng phim nhập khẩu không đúng mục đích phục vụ hoạt động nghiên cứu, giáo dục, lưu trữ và lưu hành nội bộ.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không cam kết bằng văn bản về nội dung phim không vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định trong trường hợp nhập khẩu phim.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phim đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;



b) Buộc gửi văn bản cam kết không vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về phổ biến phim

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phổ biến phim ngoài khoảng thời gian được phổ biến theo quy định tại rạp chiếu phim; địa điểm chiếu phim công cộng trừ phương tiện vận tải hành khách công cộng;

b) Không công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc bị dừng phổ biến phim theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không miễn giảm giá vé cho người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, trẻ em, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác theo quy định;

b) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện để phổ biến phim đối với từng hình thức phổ biến phim theo quy định;

c) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo theo quy định;

d) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không dừng việc phổ biến phim khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy định về giấy phép phân loại phim như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phân loại phim;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép phân loại phim;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khi thay đổi tên phim mà không thay đổi nội dung phim đã được cấp giấy phép phân loại phim;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đề nghị cấp lại giấy phép phân loại phim trong trường hợp thay đổi nội dung phim đã được cấp giấy phép phân loại phim theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng sau đây:

a) Không cung cấp danh mục phim chiếu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi tổ chức đăng ký kinh doanh phổ biến phim;

b) Không thông báo bằng văn bản về nội dung, chương trình chiếu phim cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

c) Không thay đổi thời gian, quy mô chiếu phim tại địa điểm chiếu phim công cộng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Phổ biến phim sau khi thông báo bằng văn bản về nội dung, chương trình chiếu phim mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản không đồng ý.

5. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim trong rạp chiếu phim của cơ sở điện ảnh như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kết nối dữ liệu, chế độ báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, khung giờ chiếu phim Việt Nam; thời lượng và khung giờ chiếu phim cho trẻ em theo quy định;

c) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm người xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim;

d) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm về quy chuẩn kỹ thuật về rạp chiếu phim theo quy định.

6. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim trên hệ thống truyền hình như sau:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, khung giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ phát sóng phim cho trẻ em trên các kênh truyền hình trong nước theo quy định;

b) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của cơ quan báo chí.

7. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim trên không gian mạng sau đây:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo danh sách phim sẽ phổ biến và kết quả phân loại phim cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trước khi thực hiện phổ biến phim theo quy định;

b) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp đầu mối, thông tin liên hệ để tiếp nhận, xử lý yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người sử dụng dịch vụ theo quy định;

c) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không triển khai các giải pháp kỹ thuật, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gỡ bỏ, ngăn chặn phim vi phạm theo quy định;

d) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm một trong các điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định;

đ) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện biện pháp kỹ thuật cần thiết và hướng dẫn để cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em tự kiểm soát, quản lý, bảo đảm trẻ em xem phim phổ biến trên không gian mạng phù hợp với độ tuổi xem phim; để người sử dụng dịch vụ báo cáo về phim vi phạm theo quy định;

e) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không gỡ bỏ phim vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không ngăn chặn truy cập phim vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc bị dừng phổ biến phim đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép phân loại phim đối với hành vi quy định tại điểm a trong trường hợp giấy phép đã được cấp và hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm d khoản 4 Điều này;

d) Buộc gỡ bỏ phim trên không gian mạng đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 10a. Vi phạm quy định về lưu chiếu, lưu trữ phim, liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không nộp lưu chiếu phim đã được cấp giấy phép phân loại phim theo quy định;

b) Không mở mã khóa phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan cấp phép phân loại phim theo quy định;

c) Không bảo đảm an toàn bản phim, kịch bản và tài liệu kèm phim theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;

d) Không cung cấp bản sao, in trích tư liệu cho chủ sở hữu phim và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo về kế hoạch hoặc kết quả thực hiện liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim không đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định của cơ quan, tổ chức Việt Nam, trừ trường hợp cơ quan tổ chức Việt Nam là cơ quan nhà nước ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng nội dung giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim.

7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim theo quy định;

b) Phim tham gia liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim không có giấy phép phân loại phim hoặc quyết định phát sóng theo quy định;

c) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim;

d) Sử dụng giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim của tổ chức khác.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 7 Điều này;

b) Tịch thu giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim đối với hành vi quy định tại khoản 2 trong trường hợp giấy phép đã được cấp và hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy phim hoặc buộc xoá bỏ phim hoặc buộc gỡ bỏ phim có nội dung quy định tại các điểm a, b và i khoản 1 Điều 9 Luật Điện ảnh đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 7 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 7 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.”



5. Bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 34 như sau:

“đ) Quảng cáo phim thông qua đoạn giới thiệu phim hoặc các thông tin liên quan đến bộ phim trước, trong quá trình sản xuất, phát hành và phổ biến phim vi phạm các quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh.”

Điều 2. Bãi bỏ, thay thế cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, Nghị định số 129/2021/NĐ-CP

1. Bãi bỏ khoản 11 Điều 4 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP; bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ từ và cụm từ

a) Bãi bỏ từ “phim” tại khoản 6, cụm từ “giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim;” tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP;

b) Bãi bỏ cụm từ “điểm b khoản 5 Điều 9” tại khoản 4, cụm từ “Điều 7; khoản 4, khoản 5 Điều 9” tại khoản 6 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP;

c) Bãi bỏ cụm từ “điểm b khoản 7 Điều 6” tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP;

d) Bãi bỏ cụm từ “hoặc bổ sung” tại điểm b khoản 2 Điều 11, điểm c khoản 5 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19, điểm b khoản 4 Điều 20, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 3 Điều 30 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, điểm e khoản 10 Điều 11 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm c khoản 10 Điều 15 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm i khoản 7 Điều 17 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm h khoản 8 Điều 18 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm đ khoản 8 Điều 19 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm c khoản 7 Điều 21 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm c khoản 6 Điều 22 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm c khoản 7 Điều 23 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 11 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP, điểm b khoản 7 Điều 30 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

3. Thay thế cụm từ

a) Thay thế cụm từ “điểm a khoản 4 Điều 6” thành cụm từ “điểm a khoản 1 Điều 6”, cụm từ “các điểm b, c và d khoản 5 Điều 17” thành cụm từ “điểm d khoản 5 Điều 17” tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP;

b) Thay thế cụm từ “điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 8” thành cụm từ “Điều 6; khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 1, khoản 3, khoản 6 và khoản 7 Điều 10” tại khoản 8 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP;

c) Thay thế cụm từ “khoản 4 Điều 8” thành cụm từ “điểm e khoản 1 Điều 6” tại khoản 13 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

4. Bổ sung cụm từ

a) Bổ sung cụm từ “bằng văn bản” sau cụm từ “tổ chức, cá nhân” tại khoản 4 Điều 4, điểm b khoản 10 Điều 11, điểm d khoản 9 Điều 12, điểm d khoản 8 Điều 18, điểm b khoản 8 Điều 34 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP;

b) Bổ sung cụm từ “trong trường hợp tang vật vi phạm là văn hóa phẩm có nội dung độc hại;” sau cụm từ “Điều này” tại điểm b khoản 7 Điều 17, điểm e khoản 8 Điều 18, điểm c khoản 8 Điều 19 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện ảnh xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện mà Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng quy định của Nghị định này;

b) Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN;
- Các hội VHNT Trung ương;
- Hội VHNT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 175

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Vũ Đức Đam